

FAST
PHẦN MỀM KẾ TOÁN & ERP

CẨM NANG KẾ TOÁN GIÁ THÀNH CHO DOANH NGHIỆP

Công ty Phần mềm FAST

Nguồn Safebooks

LỜI GIỚI THIỆU 3
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN KẾ TOÁN GIÁ THÀNH 4
1.1 Khái niệm kế toán giá thành 4
1.2 Mục đích của kế toán giá thành 4
1.3 Nhiệm vụ của kế toán giá thành 4
CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP 5
2.1 Tổng quan về quá trình sản xuất kinh doanh 5
2.1.1 Khái niệm quá trình sản xuất 5
2.1.2 Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất 5
2.2 Nội dung tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất 8
2.2.1 Chi phí trong quá trình sản xuất tính giá thành sản phẩm 8
2.2.2 Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm 9
2.2.3 Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành 9
2.3 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm 10
2.3.1 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang 10
2.3.2 Phương pháp tính giá thành 10
CHƯƠNG 3: CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP 11
3.1 Chi phí sản xuất 11
3.2 Tổng hợp chi phí sản xuất 11
a. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên 11
b. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ 11
3.3 Phân bổ chi phí sản xuất 11
3.4 Nội dung các khoản mục chi phí sản xuất 12
3.4.1 Kế toán nguyên vật liệu 12
3.4.2 Kế toán công cụ, dụng cụ 12

3.4.3 Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương 12
3.4.4 Kế toán tài sản cố định 12
CHƯƠNG 4: CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM DỞ DANG 13
4.1 Tổng quan sản phẩm dở dang 13
4.2 Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí vật liệu chính 13
4.3 Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp 13
4.4 Phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương 14
4.5 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí kế hoạch 14
CHƯƠNG 5: TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP 14
5.1 Tổng quan về giá thành 14
5.2 Tính giá thành sản phẩm 14
5.3 Tính giá thành tại doanh nghiệp có quy trình công nghệ giản đơn 14
5.4 Tính giá thành tại các doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp 15
5.5 Tính giá thành theo phương pháp phân bước 15
5.6 Kế toán sản phẩm hỏng 15
GIẢI PHÁP QUẢN TRỊ KẾ TOÁN GIÁ THÀNH CHUYÊN SÂU 16

LỜI GIỚI THIỆU

Việc thực hiện các nghiệp vụ kế toán giá thành, đánh giá sản phẩm dở dang hay theo dõi chi phí trên phần mềm đòi hỏi người làm kế toán phải nắm vững lý thuyết, quy trình và vận dụng đúng các phương pháp hạch toán. Việc nắm bắt rõ ràng cơ chế tập hợp chi phí và tính giá thành không chỉ giúp hạn chế sai sót, tối ưu hóa quy trình làm việc mà còn hỗ trợ ban quản trị đưa ra các quyết định kinh doanh chính xác.

Nhằm cung cấp nguồn tài liệu hệ thống, thuận tiện cho việc tra cứu và ứng dụng thực tế, ebook này được biên soạn tổng hợp toàn bộ lý thuyết nền tảng, phương pháp tính toán và hướng dẫn chi tiết các thao tác trên phần mềm kế toán.

Tài liệu được biên soạn dựa trên các quy định, chuẩn mực kế toán hiện hành và kinh nghiệm thực tiễn, nhằm hỗ trợ tối đa cho các anh/chị kế toán, nhà quản lý trong quá trình học tập và làm việc. Tuy nhiên, nội dung mang tính chất tham khảo và hướng dẫn thực hành; khi áp dụng thực tế, người đọc cần đối chiếu với quy định pháp luật và đặc thù riêng của từng doanh nghiệp tại thời điểm thực hiện.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN KẾ TOÁN GIÁ THÀNH

1.1 Khái niệm kế toán giá thành

Kế toán giá thành sản xuất thường bao gồm một phần nội dung kế toán quản trị và một phần nội dung kế toán tài chính. Kế toán giá thành sản xuất, xét về mặt quản lý trong việc tổ chức để cung cấp thông tin cho người sử dụng, ngay cả những đối tượng sử dụng thông tin trong và ngoài doanh nghiệp. Một cách tổng quát, nhà quản lý ngày càng nhận thức được tầm quan trọng của chất lượng, hợp lý và tính phù hợp của sản phẩm và dịch vụ phục vụ cho những khách hàng bên ngoài.

1.2 Mục đích của kế toán giá thành

Kế toán giá thành nhằm mục đích quản lý tốt hơn quy trình sản xuất và tính giá thành sản phẩm, cụ thể:

- Nghiên cứu tìm kiếm những đặc tính tối ưu của một sản phẩm và từ đó phát triển những đặc tính vượt trội này trên cơ sở kinh nghiệm để tìm kiếm những ý tưởng liên quan đến sản phẩm mới sau này.
- Hình thành những ý tưởng thiết kế sản phẩm, dịch vụ, sản xuất chế biến, xác lập kế hoạch chi tiết và kỹ thuật chế biến sản phẩm, dịch vụ.
- Xây dựng quy trình sản xuất sản phẩm cũng như sự điều phối và tập hợp (lắp ráp) các nguồn lực để sản xuất một sản phẩm hay cung cấp một dịch vụ ngày càng có tính cạnh tranh cao hơn.

1.3 Nhiệm vụ của kế toán giá thành

- Xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành và tổ chức tập hợp chi phí theo đúng đối tượng.
- Xác định chính xác chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ.
- Ghi chép phản ánh chính xác, đầy đủ các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất => Kiểm tra tình hình thực hiện các định mức chi phí, các dự toán chi phí nhằm hạ thấp giá thành sản phẩm.
- Tính chính xác, kịp thời giá thành sản phẩm, công việc, lao vụ hoàn thành => Xác định hiệu quả kinh doanh.
- Thực hiện phân tích tình hình chi phí, giá thành => Phục vụ việc lập báo cáo kế toán.

CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP

2.1 Tổng quan về quá trình sản xuất kinh doanh

Doanh nghiệp sản xuất, chủ yếu là doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, là doanh nghiệp thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình bằng cách mua nguyên vật liệu, công cụ - dụng cụ, máy móc thiết bị, sử dụng lao động của con người,... để tiến hành sản xuất, chế tạo ra sản phẩm, doanh nghiệp xác định được kết quả kinh doanh (lãi - lỗ) qua một thời kỳ hoạt động. Quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất thông qua các yếu tố chi phí cơ bản của sản xuất để tổng hợp tính giá thành sản phẩm, cuối cùng xác định kết quả kinh doanh sau khi tiêu thụ sản phẩm.

2.1.1 Khái niệm quá trình sản xuất

Quá trình sản xuất kinh doanh là quá trình mà các doanh nghiệp phải thường xuyên đầu tư các loại chi phí khác nhau để đạt được mục đích là tạo ra được khối lượng sản phẩm, lao vụ hoặc khối lượng công việc phù hợp với mục tiêu sản xuất đã xác định và thực hiện.

2.1.2 Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất

Chi phí là phí tổn tài nguyên, vật chất, lao động và phát sinh gắn liền với mục đích kinh doanh. Chi phí được tính vào giá thành, được tài trợ từ vốn kinh doanh và được bù đắp từ thu nhập hoạt động sản xuất kinh doanh.

a. Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế ban đầu

Theo tiêu thức này, chi phí của doanh nghiệp tồn tại dưới các yếu tố sau:

- **Chi phí nhân công (chi phí lao động - labour costs):** bao gồm các khoản tiền lương phải trả cho người lao động; các khoản trích theo lương như kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của người lao động.
- **Chi phí nguyên vật liệu (material costs):** bao gồm giá mua, chi phí mua của nguyên vật liệu dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- **Chi phí công cụ dụng cụ:** Bao gồm giá mua và chi phí mua của tất cả các công cụ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Chi phí dịch vụ thuê ngoài:** Bao gồm giá phí gắn liền với các dịch vụ từ bên ngoài cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như dịch vụ điện nước, bảo hiểm tài sản, thuê nhà xưởng....
- **Chi phí khác bằng tiền:** Bao gồm tất cả các chi phí sản xuất kinh doanh bằng tiền mà doanh nghiệp thường hạch toán trực tiếp vào đối tượng chịu chi phí trong kỳ.

b. Phân loại chi phí theo công dụng kinh tế

Phân loại chi phí theo công dụng kinh tế hay là cách phân loại chi phí theo chi phí trong sản xuất và chi phí ngoài sản xuất. Theo tiêu thức này, chi phí trong sản xuất tồn tại dưới các khoản mục sau:

- **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (direct material costs):** bao gồm toàn bộ những khoản chi phí liên quan đến chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp trong quá trình sản xuất sản phẩm. Ví dụ bột dùng làm bánh, đường dùng làm kẹo, vải để may quần áo,...
- **Chi phí nhân công trực tiếp (direct labour costs):** Khoản mục chi phí này bao gồm tiền lương công nhân trực tiếp thực hiện quy trình sản xuất; các khoản trích theo lương tính vào chi phí sản xuất của công nhân trực tiếp thực hiện quá trình sản xuất như kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Tỷ lệ các khoản trích theo lương tùy thuộc vào quy định hiện hành.
- **Chi phí sản xuất chung:** Bao gồm tất cả các chi phí không thuộc hai khoản mục trên. Chi phí sản xuất chung thường bao gồm: chi phí lao động gián tiếp phục vụ, quản lý sản xuất tại phân xưởng; chi phí nguyên vật liệu dùng trong máy móc thiết bị; chi phí công cụ dụng cụ dùng trong sản xuất; chi phí khấu hao máy móc thiết bị, tài sản cố định khác dùng trong hoạt động sản xuất; chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ sản xuất như điện, nước, sửa chữa, bảo hiểm tài sản tại xưởng sản xuất,...

Theo tiêu thức này, chi phí ngoài sản xuất tồn tại dưới các khoản mục sau:

- **Chi phí bán hàng (selling expenses):** Chi phí bán hàng còn được gọi là chi phí lưu thông, là những phí tổn cần thiết để đảm bảo cho việc thực hiện chính sách bán hàng. Chi phí bán hàng thường bao gồm: chi phí về lương và khoản trích theo lương tính vào chi phí của toàn bộ lao động trực tiếp hay quản lý trong hoạt động bán hàng, vận chuyển hàng hóa tiêu thụ; chi

phí về nguyên vật liệu, nhiên liệu dùng trong việc bán hàng, vận chuyển hàng hóa tiêu thụ; chi phí về công cụ, dụng cụ dùng trong việc bán hàng như bao bì sử dụng luân chuyển, các quầy hàng...; chi phí khấu hao thiết bị, tài sản cố định dùng trong việc bán hàng như thiết bị đông lạnh, phương tiện vận chuyển, cửa hàng, nhà kho...; chi phí thuê ngoài liên quan đến việc bán hàng như quảng cáo, hội chợ, bảo trì, bảo hành, khuyến mãi...; chi phí khác bằng tiền trong việc bán hàng.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp (general and administrative):** Được định nghĩa là những phí tổn liên quan đến công việc hành chính, quản trị ở phạm vi toàn doanh nghiệp. Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp còn bao gồm cả những chi phí mà chúng ta không thể ghi nhận vào tất cả những khoản mục nói trên. Cụ thể: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương tính vào chi phí của người lao động, quản lý các bộ phận phòng ban của doanh nghiệp; chi phí vật liệu, năng lượng, nhiên liệu trong hành chính quản trị..; chi phí công cụ, dụng cụ dùng trong công việc hành chính quản trị; chi phí khấu hao thiết bị, tài sản cố định khác dùng trong công việc hành chính quản trị; chi phí dịch vụ điện, nước, điện thoại, bảo hiểm, phục vụ chung toàn doanh nghiệp; các khoản thuế, lệ phí chưa tính vào giá trị tài sản; các khoản chi phí liên quan đến sự giảm sút giá trị tài sản dùng trong sản xuất kinh doanh do biến động thị trường như dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hao hụt trong khâu dự trữ,...
- **Chi phí khác (other cost):** Ngoài những khoản chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chức năng của doanh nghiệp, trong thành phần chi phí của doanh nghiệp còn tồn tại những chi phí khác. Về cơ bản, đây chính là chi phí hoạt động tài chính, chi phí hoạt động khác. Chi phí này thường chiếm tỷ lệ nhỏ.

c. Phân loại theo mục tiêu chi phí

Mục tiêu chi phí (cost object): là bất kỳ một mục tiêu nào đó mà có một phương pháp xác định chi phí riêng.

- **Chi phí trực tiếp của một mục tiêu chi phí:** là những chi phí có liên quan đến đối tượng chi phí và có thể theo dõi được nó bằng phương pháp khả thi một cách tiết kiệm. Hay nói cách khác, chi phí trực tiếp là những chi phí tính trực tiếp vào đối tượng sử dụng.

- **Chi phí gián tiếp của một mục tiêu chi phí:** là những chi phí có liên quan đến đối tượng chi phí nhưng không thể được theo dõi nó theo phương pháp khả thi một cách tiết kiệm. Những chi phí gián tiếp được tính cho mục tiêu chi phí thông qua phương pháp phân bổ. Nghĩa là chi phí gián tiếp sẽ được phân bổ cho nhiều đối tượng sử dụng khác nhau.

d. Cách phân loại khác

- Chi phí ban đầu và chi phí chuyển đổi.
- Chi phí cơ bản và chi phí chung.
- Định phí và biến phí.
- Chi phí chờ phân bổ và chi phí trích trước.
- Chi phí tổng hợp và chi phí đơn nhất.
- Chi phí năm trước và chi phí năm nay.

2.2 Nội dung tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất

2.2.1 Chi phí trong quá trình sản xuất tính giá thành sản phẩm

Kế toán viên thường định nghĩa chi phí là nguồn tài nguyên bỏ ra hoặc dự đoán để đạt một mục đích nào đó.

Chi phí trực tiếp của một đối tượng chi phí là những khoản chi phí mà chúng để lại hoặc tạo ra những dấu vết rõ ràng cụ thể đối với đối tượng chi phí. Các chi phí này liên hệ trực tiếp đến số lượng và chất lượng của sản phẩm. Nó thay đổi tỉ lệ thuận với số lượng và chất lượng sản phẩm sản xuất ra.

Chi phí gián tiếp: là các khoản chi phí mà chúng được tập hợp với nhau hoặc được gây ra bởi hai hoặc nhiều đối tượng chi phí cùng nhau nhưng chúng không trực tiếp để lại những dấu vết cụ thể đối với mỗi đối tượng chi phí. Ví dụ: lương quản đốc, lương giám đốc công ty, chi phí khấu hao tài sản cố định,...

Mối quan hệ giữa hai cách phân loại chi phí:

- **Biến phí / Chi phí trực tiếp:** Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp,...
- **Biến phí / Chi phí gián tiếp:** Chi phí vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng cho công tác tổ chức và quản lý.

- **Định phí / Chi phí trực tiếp:** Chi phí khấu hao máy móc thiết bị theo phương pháp đường thẳng,...
- **Định phí / Chi phí gián tiếp:** Chi phí lương nhân viên phục vụ và nhân viên quản lý,..

Chi phí sản xuất là toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện quá trình sản xuất và đạt được mục đích là tạo ra sản phẩm.

Công thức chung xác định giá thành đơn vị sản phẩm:

$$\text{Giá thành sản xuất của 1 đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Chi phí sản xuất của khối lượng sản phẩm hoàn thành (Z)}}{\text{Khối lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

2.2.2 Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ mật thiết với nhau vì nội dung cơ bản của chúng đều là biểu hiện bằng tiền của hao phí về lao động sống và lao động vật hoá.

Nếu xét về lượng hao phí thì chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có sự khác nhau:

- Chi phí sản xuất gắn liền với những thời kỳ đã phát sinh chi phí.
- Giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành không phân biệt là chi phí đó đã chi ra kỳ trước hay kỳ này.
- Chi phí sản xuất trong kỳ không chỉ liên quan đến những sản phẩm đã hoàn thành mà còn liên quan đến cả sản phẩm dở dang cuối kỳ và sản phẩm hỏng, còn giá thành không liên quan đến chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang kỳ trước chuyển sang.

2.2.3 Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành

a. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất nhằm giới hạn địa điểm phát sinh chi phí cần được tập hợp để phục vụ cho việc quản lý chi phí sản xuất và xác định giá thành sản phẩm. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là từng phân xưởng, từng đội, từng tổ sản xuất, từng giai đoạn nhất định của quy trình công nghệ, từng sản phẩm hoặc từng chi tiết của sản phẩm, lao vụ...

b. Đối tượng tính giá thành

Đối tượng tính giá thành là những sản phẩm, chi phí sản phẩm là lao vụ mà các chi phí sản xuất được tập hợp và phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí.

c. Xác định kỳ hạn tính giá thành

Kỳ hạn tính giá thành được xác định dựa vào khả năng xác định chính xác về số lượng và chất lượng của đại lượng kết quả sản xuất và việc xác định lượng chi phí sản xuất có liên quan đến kết quả đó.

2.3 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm

2.3.1 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang

Các phương pháp phổ biến thường được áp dụng bao gồm:

1. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo trị giá thực tế của nguyên vật liệu sử dụng (kể cả bán thành phẩm).
2. Phương pháp đánh giá theo trị giá nguyên vật liệu kết hợp với các loại chi phí chế biến khác theo mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang.
3. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí định mức dựa vào mức độ hoàn thành và các định mức kinh tế - kỹ thuật về sử dụng các loại chi phí.

2.3.2 Phương pháp tính giá thành

Có 4 phương pháp tính giá thành thường được sử dụng:

a. Phương pháp trực tiếp: Áp dụng cho doanh nghiệp có quy trình sản xuất đơn giản, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phù hợp với nhau.

b. Phương pháp đơn đặt hàng: Áp dụng chủ yếu cho những doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loạt nhỏ căn cứ vào đơn đặt hàng.

c. Phương pháp định mức: Dựa vào các định mức tiêu hao về vật tư, lao động, các dự toán về chi phí phục vụ sản xuất và quản lý.

d. Phương pháp phân bước: Áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất phức tạp kiểu chế biến liên tục hoặc song song qua nhiều giai đoạn.

CHƯƠNG 3: CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

3.1 Chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của những hao phí về lao động sống và lao động vật hoá phát sinh trong quá trình sản xuất cùng một thời kỳ nhất định. Chi phí sản xuất bao gồm: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khấu hao TSCĐ,...

3.2 Tổng hợp chi phí sản xuất

- Những chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Ghi bên Nợ TK 621
- Những chi phí nhân công trực tiếp: Ghi bên Nợ TK 622
- Chi phí sản xuất chung: Ghi bên Nợ TK 627 và phân bổ cho các đối tượng liên quan.

a. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

- **TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:** Dùng để tập hợp chi phí nguyên, nhiên, vật liệu trực tiếp.
- **TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp:** Dùng để tập hợp chi phí liên quan đến bộ phận lao động trực tiếp.
- **TK 627 - Chi phí sản xuất chung:** Dùng để tập hợp chi phí quản lý, phục vụ sản xuất ở phân xưởng. Gồm các tài khoản cấp 2: 6271, 6272, 6273, 6274, 6277, 6278.
- **TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:** Dùng để tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành.

b. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ

Sử dụng các tài khoản: TK 621, TK 622, TK 627, TK 631 ("Giá thành sản xuất") và TK 154.

3.3 Phân bổ chi phí sản xuất

- Chi phí nhân công trực tiếp

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, hoặc chi phí nguyên vật liệu chính
- Phân bổ theo số giờ máy chạy

3.4 Nội dung các khoản mục chi phí sản xuất

3.4.1 Kế toán nguyên vật liệu

- **Khái niệm:** Nguyên vật liệu là đối tượng lao động mà doanh nghiệp dùng vào việc sản xuất ra sản phẩm.
- **Đặc điểm:** Tham gia vào từng chu kỳ sản xuất và chuyển hóa hoàn toàn vào sản phẩm.
- **Nguyên tắc đánh giá:** GIÁ NHẬP KHO = GIÁ MUA + CHI PHÍ TRƯỚC KHI NHẬP KHO
- **Các phương pháp xuất kho:** Bình quân gia quyền, FIFO, LIFO, Thực tế đích danh, Hệ số vật liệu.

3.4.2 Kế toán công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ là những tư liệu lao động không đủ tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng đối với TSCĐ. Giá trị xuất dùng phân bổ một lần hoặc nhiều lần (thông qua TK 142/242).

3.4.3 Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

- Tiền lương phản ánh chi phí sức lao động.
- Các khoản trích theo lương gồm BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN.
- Sử dụng các tài khoản: TK 334, TK 338, TK 622, TK 627.

3.4.4 Kế toán tài sản cố định

- **TSCĐ hữu hình (TK 211):** Thỏa mãn 4 tiêu chuẩn ghi nhận.
- **TSCĐ vô hình (TK 213/212):** Tài sản không có hình thái vật chất.
- **Các phương pháp trích khấu hao TSCĐ:**
    1. Phương pháp khấu hao đường thẳng.
    2. Phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh.
    3. Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm.

CHƯƠNG 4: CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM DỞ DANG

4.1 Tổng quan sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là sản phẩm chưa hoàn thành, còn đang dang dở trên dây chuyền sản xuất.

$$\text{CPSPDDCK} = \frac{\text{CPSPDDĐK} + \text{CPPS trong kỳ}}{\text{SLSPHTNK} + \text{SLSPDDCK}} \times \text{SLSPDDCK}$$

4.2 Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí vật liệu chính

- **Đối tượng:** Doanh nghiệp có chi phí nguyên vật liệu chính chiếm tỷ trọng cao (>70%).
- **Đặc điểm:** Chỉ tính cho sản phẩm dở dang phần chi phí nguyên vật liệu chính.
- **Công thức:**

$$\text{CPSPDDCK} = \frac{\text{CPSPDDĐK} + \text{CPNVLCPS}}{\text{SLSPHTNK} + \text{SLSPDDCK}} \times \text{SLSPDDCK}$$

4.3 Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- **Vật liệu phụ bỏ ngay từ đầu:** Áp dụng như công thức vật liệu chính.
- **Vật liệu phụ bỏ dần:**

$$\text{CPVLPDDCK} = \frac{\text{CPSPDDĐK} + \text{CPNVLPPS}}{\text{SLSPHTNK} + \text{SLSPHTTĐ}} \times \text{SLSPHTTĐ}$$

(Trong đó: SLSPHTTĐ = SLSPDDCK x Tỷ lệ hoàn thành)

4.4 Phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương

Tính đầy đủ các khoản mục chi phí (NVL, Nhân công, Chi phí sản xuất chung) quy đổi theo tỷ lệ hoàn thành.

$$CPSXDDCK = CPVLTTDDCK + CPCBDDCK$$

4.5 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí kế hoạch

Căn cứ vào chi phí định mức/kế hoạch và số lượng sản phẩm dở dang cùng tỷ lệ hoàn thành để tính.

CHƯƠNG 5: TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP

5.1 Tổng quan về giá thành

- **Phân loại theo thời điểm:** Giá thành kế hoạch, Giá thành thực tế, Giá thành định mức.
- **Phân loại theo chi phí phát sinh:** Giá thành sản xuất, Giá thành tiêu thụ.

5.2 Tính giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm sản xuất trong kỳ = Chi phí sản xuất DDĐK + Chi phí phát sinh trong kỳ - Chi phí sản xuất DDCK

5.3 Tính giá thành tại doanh nghiệp có quy trình công nghệ giản đơn

1. **Phương pháp trực tiếp (giản đơn):** Áp dụng cho quy trình sản xuất ít mặt hàng, số lượng lớn.
2. **Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ:** Loại trừ giá trị sản phẩm phụ khỏi tổng chi phí.
3. **Phương pháp hệ số:** Quy đổi các sản phẩm về một sản phẩm tiêu chuẩn (hệ số 1).
4. **Phương pháp tỷ lệ:** Căn cứ vào tỷ lệ giá thành thực tế so với giá thành kế hoạch/định mức.

5.4 Tính giá thành tại các doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp

1. **Phương pháp liên hợp:** Kết hợp loại trừ sản phẩm phụ và phương pháp hệ số/tỷ lệ.
2. **Phương pháp đơn đặt hàng:** Tính chi phí riêng biệt theo từng đơn đặt hàng.
3. **Phương pháp định mức:** Xác định giá thành dựa trên định mức và các chênh lệch phát sinh.

5.5 Tính giá thành theo phương pháp phân bước

1. **Kết chuyển song song:** Không tính giá thành bán thành phẩm giữa các bước.
2. **Kết chuyển tuần tự:** Có tính giá thành bán thành phẩm qua từng bước chế biến.

5.6 Kế toán sản phẩm hỏng

- **Sản phẩm hỏng trong định mức:** Tính vào giá thành sản phẩm hoàn thành.
- **Sản phẩm hỏng ngoài định mức:** Xử lý như chi phí thời kỳ, không tính vào giá thành.
- **Thiệt hại ngừng sản xuất:** Xử lý như chi phí thời kỳ hoặc trích trước theo kế hoạch.

GIẢI PHÁP QUẢN TRỊ KẾ TOÁN GIÁ THÀNH CHUYÊN SÂU

Để tối ưu hóa toàn bộ quy trình phức tạp này, việc ứng dụng công nghệ là điều tất yếu. Giải pháp quản trị kế toán giá thành chuyên sâu trên **Fast Accounting** mang đến khả năng tự động hóa mạnh mẽ: từ tự động tập hợp chi phí, phân bổ đa tiêu thức linh hoạt, đến xử lý sản phẩm dở dang và kết chuyển giá thành thành phẩm một cách chuẩn xác.

Không chỉ dừng lại ở việc tính toán, phần mềm còn cung cấp hệ thống báo cáo quản trị trực quan, giúp doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào, tiết kiệm tối đa thời gian và tự tin đưa ra các quyết định kinh doanh chiến lược kịp thời.



ĐĂNG KÝ DÙNG THỬ MIỄN PHÍ

Công ty CP Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp FAST

- *Website: https://fast.com.vn/*
- *Fanpage: Công ty Phần mềm FAST*
- *Email: info@fast.com.vn*